

LỊCH SỬ - VĂN HÓA

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI TÔN TRUNG SƠN

NGUYỄN HUY HOAN
Bảo tàng Hồ Chí Minh

1. Nghiên cứu hành trình Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh tìm con đường giải phóng dân tộc và đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân ta, chúng ta có thể nhận thấy Người đã tốn bao công sức để tìm được con đường đúng đắn nhất. Để làm được điều đó, Người đã có cách làm riêng của mình: đó là *vừa nghiên cứu lý luận và những bài học trên sách vở, vừa khảo sát thực tế ở nhiều nước trên thế giới.*

Hồ Chí Minh đã nghiên cứu nhiều học thuyết Đông, Tây, kim cổ và đã chọn lọc để tiếp thu những “ưu điểm” của nó như lời Người nói để vận dụng vào sự nghiệp cách mạng trên mọi lĩnh vực. Trong cuốn *Hồ Chí Minh truyện* (tức Tiểu sử Hồ Chí Minh) do Nhà xuất bản Bát Nguyệt ở Thượng Hải in tháng 6-1949 của tác giả Trần Dân Tiên, người dịch ra Trung văn là Trương Niệm Thúc, có đoạn như sau:

“Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân.

Tôn giáo Giê-xu có ưu điểm của nó, đó là lòng bác ái cao cả.

Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó, đó là phương pháp làm việc biện chứng.

Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm của nó, đó là chính sách của nó thích hợp với điều kiện của nước chúng tôi.”¹

Không phải chỉ là một câu nói. Qua tác phẩm của Người, chúng ta đã tìm thấy rất nhiều câu trích dẫn lời nói của các bậc vĩ nhân. Ngoài ra, Người còn trích dẫn lời nói của Đức Phật Thích Ca, của các nhà hiền triết Đông, Tây, kim cổ, có lúc trích toàn văn, có lúc trích một phần (như câu của Quản Trọng), có lúc trích, nhưng có sửa chút ít để nhấn mạnh (như trích Tôn Tư Mạo). Cái hay thì Người trích, cái không hay, không phù hợp, Người vẫn có thái độ rõ ràng. Qua thống kê chưa đầy đủ, trong *Hồ Chí Minh toàn tập* xuất bản lần thứ nhất, đã có ít nhất 53 lần Người đề cập, viện dẫn các mệnh đề Nho giáo. Trích Khổng Tử nhiều như thế, trích những điều

Người cho là “ưu điểm” nhưng Người cũng chỉ rõ: “Khổng Tử đã viết *Kinh Xuân Thu* để chỉ trích “những thần dân nổi loạn” và “những đứa con hư hỏng” nhưng ông không viết gì để lên án “những người cha tai ác” và “những Hoàng tử thiên cận”. Nói tóm lại, ông rõ ràng là người phát ngôn bên vực những người bóc lột, chống lại những người đã bị áp bức.”².

Ngoài sách vở và học thuyết, Người còn đặc biệt chú ý nghiên cứu thực tế của nhiều nước. Trong vòng 30 năm bốn ba nước ngoài, Người đã đi qua và dừng chân ở 29 nước của 4 châu lục, có điều kiện để nâng tầm hiểu biết của mình về thực chất của xã hội tư bản, của các nước nhỏ yếu, thuộc địa và phụ thuộc, hiểu rất rõ thực chất và hệ quả của những cuộc cách mạng diễn hình trên thế giới, từ đó rút ra những kinh nghiệm, những bài học quý báu cho cách mạng Việt Nam. Tại lớp huấn luyện chính trị đặc biệt ở Quảng Châu (1925 - 1926), những chân lý ấy được Người đúc kết và truyền lại một cách ngắn gọn, dễ hiểu cho thế hệ cách mạng tiền bối của Việt Nam.

Nói về cách mạng dân tộc, Người viết: “Đến khi dân nô lệ ấy không chịu nổi nữa, tỉnh ngộ lên, đoàn kết lại, biết rằng thà chết được tự do còn hơn sống làm nô lệ, đồng tâm hiệp lực đánh đuổi tụi áp bức mình đi; ấy là dân tộc cách mệnh”³.

Để cách mạng giành được thắng lợi. Người nêu rõ:

“Vậy cách mệnh trước phải làm cho dân giác ngộ... cách mệnh phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu”⁴.

Từ khảo sát, nghiên cứu cách mạng các nước, Người phân tích bài học của cách mạng Mỹ, chỉ rõ: “Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cho cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc”⁵.

Đúc kết những kinh nghiệm của cách mạng Pháp, Người nêu 5 bài học như:

Dân chúng công nông là gốc cách mệnh.

Cách mệnh phải có tổ chức rất vững bền mới thành công.

Đàn bà trẻ con cũng giúp làm việc cách mệnh được nhiều.

Dân khí mạnh thì quan binh nào, súng ống nào cũng không chống lại được.

Làm cách mệnh không nên sợ phải hy sinh.

Đúc kết những bài học của cách mạng Nga, Người chỉ rõ:

“Cách mạng Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mác Khắc Tư và Lênin.”⁶.

2. Qua các bài viết, bài nói của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, chúng ta dễ dàng nhận thấy *Người quan tâm nghiên cứu Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Dật Tiên và những hoạt động của các tổ chức do ông lập ra.*

Từ những ngày còn hoạt động trên đất Pháp xa xôi, tháng 5-1921 Nguyễn Ái Quốc đã nhắc đến nhà cách mạng Tôn Trung Sơn:

“Trung Quốc, trước kia và hiện nay vẫn là con bò sữa của tư bản Âu Mỹ. Nhưng sự thành lập chính quyền của nhà cách mạng Tôn Dật Tiên ở phía Nam đã hứa hẹn với chúng ta một nước Trung Hoa được tổ chức lại và vô sản hóa”⁷.

Trong bài viết “*Lê nin và các dân tộc phương Đông*” đăng trên báo Le Paria số 27, Nguyễn Ái Quốc ca ngợi việc Tôn Dật Tiên đã đề nghị Chính phủ Quảng Châu quyết định ngừng các cuộc biểu diễn nghệ thuật trong ba ngày, các công sở treo cờ rủ... để tang Lê-nin.

Trong bài viết: “*Những vấn đề châu Á*” đăng trên tập san Inprekorr, số 19 năm 1925, nhắc đến sự kiện Pháp, Nhật, Mỹ, Anh đưa ra những yêu sách vô lý đòi Trung Quốc bồi thường, nhân nhượng một cách vô lý, Nguyễn Ái Quốc ca ngợi tinh thần bất khuất và thái độ kiên quyết của Tôn Trung Sơn: “Chúng tôi đòi phải hủy bỏ những hiệp ước bất công, xóa bỏ những nhượng bộ nhục nhã, tóm lại Trung Quốc phải là của người Trung Quốc và người Trung Quốc phải được tự do giải quyết công việc của mình theo ý mình muốn.”⁸.

Năm 1924, Nguyễn Ái Quốc từ nước Nga về Quảng Châu. Người không có cơ hội và điều kiện gặp Tôn Trung Sơn, vì một lý do đơn giản “mọi người ở đây đều bận về việc Bác sĩ Tôn lên phương Bắc” như trong thư đề ngày 12-11-1924 Nguyễn

Ái Quốc gửi một đồng chí trong Quốc tế Cộng sản. Chúng ta biết trong tháng 11 năm ấy, mặc dầu đang ốm, Tôn Trung Sơn vẫn lên đường đi Bắc Kinh và ngày 12-3-1925 ông đã từ trần ở Bắc Kinh.

Những dẫn chứng trên đây nói lên phần nào thiện cảm của Nguyễn Ái Quốc đối với Tôn Trung Sơn.

Điều quan trọng nhất là Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy từ trong học thuyết Tam dân của Tôn Trung Sơn những điều có thể vận dụng vào cách mạng Việt Nam, trước hết là ba mục tiêu trong Chủ nghĩa Tam dân:

Người đã viết về Chủ nghĩa Tam dân như sau:

“Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Dật Tiên có thể tóm tắt như sau:

Chủ nghĩa dân tộc: Độc lập cho tất cả mọi dân tộc

Chủ nghĩa dân quyền: Tự do cho nhân dân

Chủ nghĩa dân sinh: Quyền hưởng hạnh phúc của mọi dân tộc

Đó là những điều Việt Nam cần. Đó là những đòi hỏi của dân tộc Việt Nam”⁹.

Ngày 18-2-1945, trong Công hàm gửi Chính phủ các nước Trung Quốc, Hoa Kỳ, Liên Xô và Vương quốc Anh, Hồ Chí Minh nói rõ:

“Chúng tôi dựa vào và tìm thấy sức mạnh từ nguyên tắc thứ nhất trong ba nguyên tắc của Tôn Dật Tiên, và các điểm thứ hai, thứ tư, thứ sáu trong Tuyên bố 12 điểm của Tổng thống Truman”¹⁰.

Năm ngày sau, ngày 23-2-1946, trả lời phỏng vấn của các nhà báo, Người lại nhắc đến ý đó và nói rõ hơn: “Nước Trung Hoa bây giờ cũng như Tôn Trung Sơn ngày trước, chủ trương Tam dân Chủ nghĩa là dân tộc, dân quyền và dân sinh. Trung Quốc phấn đấu kháng chiến trong 8, 9 năm cũng vì ba chủ nghĩa ấy. *Ta phấn đấu trước hết cũng là vì dân tộc*”¹¹.

Những mục tiêu đó thể hiện lý tưởng nhân đạo của một con người vĩ đại. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói:

“Khổng Tử, Giê-xu, Các Mác, Tôn Dật Tiên chẳng phải có cùng một điểm chung đó sao. Họ đều muốn mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên đời này, nếu họ họp nhau lại một chỗ, tôi tin rằng họ sẽ sống với nhau hoàn mỹ như những người bạn thân thiết.

Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy. Tôi vẫn là tôi ngày trước: Một người yêu nước”¹².

Điều thứ hai, Hồ Chí Minh tán thành với Tôn Trung Sơn đó là tư tưởng hợp tác giữa các dân tộc cùng nhau làm cách mạng.

Ngày 2 - 12 - 1940, trong một bài báo, ký tên Bình Sơn đăng trên *Cửu vong nhật báo*, nhan đề “Nhân dân Việt Nam và báo chí Trung Quốc”, Người viết: “Phong trào giải phóng của Việt Nam là đội quân đồng minh trong cuộc kháng chiến chống Nhật của Trung Quốc. Về tinh thần cũng như về vật chất, chúng ta đều cần phải cổ vũ và giúp đỡ. Quốc phụ (tức Tôn Trung Sơn) từng dạy chúng ta:

Giúp đỡ các dân tộc nhỏ yếu cùng nhau phấn đấu giành lấy tự do, độc lập. Cơ hội để thực hiện lời di huấn đó đã đến”¹³.

Cũng trong bài báo đó, Người đã thẳng thắn phê phán “nhiều cơ quan ngôn luận báo chí của Trung Quốc” dường như không bày tỏ sự đồng tình với cuộc đấu tranh gian khổ của nhân dân Việt Nam, mà còn đăng tải không có sự phê phán những xằng bậy của người Pháp, nào là “bạo động của dân bản xứ”, nào là “dân Việt Nam nghe giặc lùn xúi giục gây phiền loạn...”.

Đầu năm 1944, nói chuyện trong buổi lễ bế mạc “Lớp huấn luyện cán bộ Việt Nam tại Liễu Châu”, Hồ Chí Minh căn dặn: “Tôn Trung Sơn vĩ đại có một câu danh ngôn:

An nguy tha nhật chung tu trọng,
Tam khổ lai thời yếu cộng thưởng.

(*Nghĩa là* : Những ngày cái sống cái chết kề nhau phải dựa vào nhau.

Lúc đắng cay ngọt bùi phải cùng nhau san sẻ).

Câu danh ngôn đó đối với nhân dân hai nước chúng ta là một lời hiệu triệu vĩ đại mang ý nghĩa lịch sử sâu sắc. Nhân dân hai nước Trung – Việt sẽ thực hiện điều đó, mãi mãi không quên”¹⁴.

Theo Hồ Chí Minh, Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên còn mang ý nghĩa tôn trọng chủ quyền và quyền lợi của nước khác. Người đã nói rõ điều đó trong buổi tiếp và trả lời các nhà báo trong nước và nước ngoài ngày 16 - 11 - 1946: “Tôi tin rằng theo Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên và ý tưởng của Tưởng Giới Thạch, không người

Trung Hoa nào sẽ làm gì vi phạm tới chủ quyền và quyền lợi nước Việt Nam”¹⁵.

Câu “An nguy tha nhật chung tu trượng” trên đây còn thể hiện rất rõ trên thực tế. Đó là trong quá trình hoạt động cách mạng, Tôn Trung Sơn đã có lúc hoạt động trên đất Việt Nam, cũng như Hồ Chí Minh đã có lúc hoạt động cho cách mạng Việt Nam trên đất Trung Quốc. Qua các nguồn tài liệu chúng ta biết Tôn Trung Sơn đến Sài Gòn, Chợ Lớn bốn lần (vào các năm 1900, 1902, 1905, 1907) đến Hà Nội 3 lần (vào các năm 1900, 1902, 1907). Lần thứ ba, sau Hà Nội, người đi Hải Phòng. Hồ Chí Minh cũng nhiều lần hoạt động trên đất Trung Quốc.

3. Những điều trình bày trên đây, chắc chắn là chưa đầy đủ, tôi chỉ muốn nói lên một phần nào tình cảm của Chủ tịch Hồ Chí Minh với Tôn Trung Sơn và sự đánh giá, sự tiếp thu của Người đối với những “ưu điểm” của học thuyết Tôn Trung Sơn, nói đúng hơn là những chính sách nào phù hợp với hoàn cảnh nước ta.

Hồ Chí Minh đã sớm xác định con đường của cách mạng Việt Nam. Từ rất sớm Người đã xác định: Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn. Qua những điều trình bày trên, chúng ta có thể thấy rõ Hồ Chí Minh đã vận dụng những chính sách của Tôn Trung Sơn đúng thời điểm và đúng đối tượng.

Việc nghiên cứu nhiều học thuyết (thật ra Người chỉ nêu một số học thuyết tiêu biểu, có Đông, có Tây, có kim, có cổ) của Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta bài học lớn. Để giải bài toán khó của quốc gia, của dân tộc, phải dày công nghiên cứu, không chỉ trên sách vở mà còn qua thực tế, đăng tìm ra con đường, chủ trương, chính sách, giải pháp đúng đắn nhất.

Có những giá trị mang ý nghĩa lâu dài. Ba từ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc được đặt dưới Quốc hiệu Việt Nam có nguồn gốc từ Chủ nghĩa Tam dân, vốn là mục tiêu phấn đấu của chúng ta theo tư tưởng Hồ Chí Minh: Các dân tộc phải được Độc lập - các dân tộc phải được Tự do - các dân tộc phải được Hạnh phúc.

CHÚ THÍCH:

¹ Sđd, tr.91.

² *Hồ Chí Minh toàn tập*, xuất bản lần thứ 3, NXB Chính trị quốc gia, H.2011. C.2, tr.562.

³ *Hồ Chí Minh toàn tập*. Sđd. C2, tr.286.

⁴ Sđd. C2, tr. 292.

⁵ Sđd. C2, tr.304.

⁶ Sđd. C2, tr.304.

⁷ Sđd. C1, tr.46.

⁸ Sđd. C3, tr.160.

⁹ *Hồ Chí Minh truyện*. Bản Trung văn, tr. 90.

¹⁰ *Hồ Chí Minh*. Sđd. T4, tr. 180.

¹¹ *Hồ Chí Minh toàn tập*. Sđd. T4, tr. 185.

¹² *Hồ Chí Minh truyện*. Bản Trung văn, tr.90.

¹³ *Hồ Chí Minh toàn tập*. Sđd. T3, tr.215.

¹⁴ *Hồ Chí Minh toàn tập*. Sđd. T3, tr. 494.

¹⁵ *Hồ Chí Minh toàn tập*. Sđd. T4, tr. 448.